

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 05 - 3 - 2020
V/v Tranh chấp ly hôn giữa
bà Võ Thị P và ông Huỳnh Ngọc L.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm
2. Bà Nguyễn Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 703/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị P, sinh năm 1970
Địa chỉ: đường P, Phường B, Quận T, Thành phố H.

(có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1965
Địa chỉ: đường H, Phường B, Quận T, Thành phố H.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2019, bản khai ngày 17/7/2019 và ngày 13/8/2019, biên bản hòa giải ngày 13/8/2019, ngày 20/8/2019 và ngày 13/02/2020, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị P và ông Huỳnh Ngọc L tự nguyện sống chung vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H vào ngày 10/4/1991. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là do Ông L thường hay chửi bới, nhục mạ bà. Ông L đập phá đồ đạc trong nhà, đánh con, đe dọa tính

mạng của bà. Bà đã dọn ra thuê nhà sống riêng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc L.

Tại bản khai ngày 17/7/2019 và ngày 13/8/2019, biên bản hòa giải ngày 13/8/2019, ngày 20/8/2019 và ngày 13/02/2020, và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Ngọc L trình bày: Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm khác nhau, không hiểu nhau, bất đồng quá lớn nên không thể sống chung được nữa. Nay bà Võ Thị P xin ly hôn, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà Võ Thị P.

Về con chung: Bà Võ Thị P và ông Huỳnh Ngọc L có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Đ sinh năm 1991 và Huỳnh Phụng M sinh năm 1998. Hai con chung đã thành niên.

Về nợ chung: Bà Võ Thị P và ông Huỳnh Ngọc L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung:

+ Bà Võ Thị P trình bày: Bà có 01 căn nhà tại địa chỉ số X đường P, Phường B, Quận T, Thành phố H. do bà đứng tên sở hữu. Căn nhà trên là mẹ ruột của bà cho tiền bà để bà mua, giấy mua bán căn nhà do bà ký nhận. Ông L đã làm Giấy cam kết tài sản riêng có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H vào ngày 06/5/2013. Ngày 15/10/2014 Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Võ Thị P đứng tên sở hữu.

Bà P xác định đây là tài sản riêng của bà, bà đề nghị giữ căn nhà trên để con cái có nơi về, không yêu cầu Tòa án phân chia.

+ Ông Huỳnh Ngọc L trình bày: Ông và Bà P có 01 căn nhà tại địa chỉ số X đường P, Phường B, Quận T, Thành phố H.. Ông yêu cầu chia đôi trị giá căn nhà nói trên. Ông ước tính trị giá căn nhà là 1,5 tỷ đồng.

Ông L đã nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 22/10/2019 nhưng do ông không tiến hành thủ tục nộp tạm ứng án phí theo qui định của pháp luật. Ông trình bày là do không đủ điều kiện nên ông xin đóng trước 10.000.000 đồng, sau này khi có điều kiện ông xin đóng thêm cho đủ số tiền Tòa án yêu cầu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều khai thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn, về con chung, về nợ chung. Các bên không thống nhất về tài sản chung, theo đó:

-*Ý kiến của nguyên đơn:* Bà Võ Thị P xác nhận căn nhà trên là tài sản riêng của bà, bà không yêu cầu Tòa án phân chia.

-*Ý kiến của bị đơn:* Về yêu cầu xin ly hôn của Bà P, ông đồng ý ly hôn với Bà P. Về yêu cầu chia tài sản chung: Do ông chưa có tiền để nộp tạm ứng án phí theo qui định của pháp luật thì sau này ông sẽ khởi kiện sau bằng 01 vụ án khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị P: Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể sống chung, hai bên đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Ông L và Bà P có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Đ sinh năm 1991 và Huỳnh Phụng M sinh năm 1998. Hai con chung đã thành niên. Về nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu giải quyết. Ông L có yêu cầu nhưng không nộp tạm ứng án phí theo qui định của pháp luật nên Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị P thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Huỳnh Ngọc L cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Võ Thị P và ông Huỳnh Ngọc L chung sống năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 34/1991 ngày 10/4/1991 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Võ Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc L: Xét quá trình chung sống, Bà P và Ông L đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo Bà P trình bày là do Ông L thường hay chửi bới, nhục mạ bà. Ông L đập phá đồ đạc trong nhà, đánh con, đe dọa tính mạng của bà. Bà đã dọn ra thuê nhà sống riêng. Bà xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và không thể sống chung với Ông L được nữa.

Riêng Ông L trình bày là trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn là do quan điểm khác nhau, không hiểu nhau, bất đồng quá lớn nên không thể sống chung được nữa. Nay bà Võ Thị P xin ly hôn, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà Võ Thị P.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho Bà P và Ông L đoàn tụ nhưng Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa Bà P và Ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân, đã sống riêng nhà, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị P.

Về con chung: Bà Võ Thị P và ông Huỳnh Ngọc L có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Đ sinh 1991 và Huỳnh Phụng M sinh 1998. Do hai con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà P và Ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung:

+ Bà P xác định căn nhà số X Phường B, Quận T, Thành phố H là tài sản riêng của bà, bà đề nghị giữ căn nhà trên để con cái có nơi về, không yêu cầu Tòa án phân chia.

+ Ông Huỳnh Ngọc L có yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung là chia đôi trị giá căn nhà số X Phường B, Quận T, Thành phố H. Ngày 22/10/2019, Tòa án ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng Ông L không nộp tạm ứng án phí theo qui định của pháp luật.

Xét, căn cứ vào Khoản 1 Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 7, Khoản 1 Điều 17, Điều 25 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc L.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 146, Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 19; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 7, Khoản 1 Điều 17, Điều 25, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị P được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc L (Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 34/1991 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H cấp ngày 10/4/1991).

2. Về con chung: Bà Võ Thị P và ông Huỳnh Ngọc L có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Đ sinh năm 1991 và Huỳnh Phụng M sinh năm 1998. Hai con chung đã thành niên.

3. Về nợ chung: Bà Võ Thị P và ông Huỳnh Ngọc L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Huỳnh Ngọc L có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nhưng Ông L không nộp tạm ứng án phí theo qui định của pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Võ Thị P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019862 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 4, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiệp